

Hà t^{ên} thí sinh:.....SBD:.....

Câu 1: Đặc điểm nào dưới đây không có ở cây ưa sáng?

- A. Mọc ở nơi quang đãng hoặc ở tầng trên của tán rừng B. Chịu được ánh sáng mạnh
C. Lá xếp nghiêng D. Có phiến lá mỏng, ít hoặc không có mô giậu

Câu 2: Phân bố theo nhóm các cá thể của quần thể trong không gian có đặc điểm là:

- A. các cá thể của quần thể tập trung theo từng nhóm ở nơi có điều kiện sống tốt nhất
B. thường không được biểu hiện ở những sinh vật có lối sống bầy, đàn; có hậu quả làm giảm khả năng đấu tranh sinh tồn của các cá thể trong quần thể
C. xảy ra khi có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể, thường xuất hiện sau giai đoạn sinh sản
D. thường gặp khi điều kiện sống của môi trường phân bố đồng đều trong môi trường, nhưng ít gặp trong thực tế

Câu 3: Trong chu trình sinh địa hóa có hiện tượng nào sau đây?

- A. Trao đổi các chất liên tục giữa môi trường và sinh vật
B. Trao đổi các chất theo từng thời kì giữa môi trường và sinh vật
C. Trao đổi các chất tạm thời giữa môi trường và sinh vật
D. Trao đổi các chất liên tục giữa sinh vật và sinh vật

Câu 4: Ở động vật hằng nhiệt (đồng nhiệt) sống ở vùng ôn đới lạnh có:

- A. các phần thò ra (tai, đuôi) to ra, còn kích thước cơ thể lớn hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới
B. các phần thò ra (tai, đuôi) nhỏ lại, còn kích thước cơ thể nhỏ hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới
C. các phần thò ra (tai, đuôi) nhỏ lại, còn kích thước cơ thể lại lớn hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới
D. các phần thò ra (tai, đuôi) to ra, còn kích thước cơ thể nhỏ hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới

Câu 5: Khoảng thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể tính từ lúc cá thể được sinh ra cho đến khi nó chết do già được gọi là:

- A. tuổi sinh thái B. tuổi sinh lí C. tuổi trung bình D. tuổi quần thể

Câu 6: Tác động của vi khuẩn nitrát hóa là:

- A. biến đổi nitơ trong khí quyển thành dạng đạm nitrát (NO_3^-)
B. cố định nitơ trong đất thành dạng đạm nitrát (NO_3^-)
C. biến đổi nitrit (NO_2^-) thành nitrát (NO_3^-)
D. cố định nitơ trong nước thành dạng đạm nitrát (NO_3^-)

Câu 7: Biện pháp nào sau đây không được sử dụng để bảo vệ nguồn nước trên Trái đất:

- A. bảo vệ nguồn nước sạch, chống ô nhiễm B. cải tạo các vùng hoang mạc khô hạn
C. bảo vệ rừng và trồng cây gây rừng D. sử dụng tiết kiệm nguồn nước

Câu 8: Để diệt sâu đục thân lúa, người ta thả ong mắt đỏ vào ruộng lúa. Đó là phương pháp đấu tranh sinh học dựa vào

- A. khống chế sinh học B. cân bằng sinh học
C. cạnh tranh cùng loài D. cân bằng quần thể

Câu 9: Lưới thức ăn và bậc dinh dưỡng được xây dựng nhằm:

- A. mô tả quan hệ dinh dưỡng và nơi ở giữa các loài trong quần xã
B. mô tả quan hệ dinh dưỡng giữa các loài trong quần xã
C. mô tả quan hệ dinh dưỡng giữa các sinh vật cùng loài trong quần xã
D. mô tả quan hệ dinh dưỡng giữa các loài trong quần thể

Câu 10: Quá trình diễn thế thứ sinh tại rừng lim Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn như thế nào?

- A. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Trảng cỏ
B. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Trảng cỏ
C. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Trảng cỏ
D. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Trảng cỏ

Câu 11: Hiện tượng cá sấu há to miệng cho một loài chim “xỉa răng” hộ là biểu hiện quan hệ:

- A. hợp tác B. hội sinh C. kí sinh D. cộng sinh

Câu 12: Năng lượng được chuyển cho bậc dinh dưỡng sau từ bậc dinh dưỡng trước nó khoảng bao nhiêu %?

- A. 10% B. 50% C. 90% D. 70%

Câu 13: Đối với mỗi nhân tố sinh thái thì khoảng thuận lợi (khoảng cực thuận) là khoảng giá trị của nhân tố sinh thái mà ở đó sinh vật

- A. có sức sống trung bình B. có sức sống giảm dần
C. chết hàng loạt D. phát triển thuận lợi nhất

Câu 14: Cá chép có giới hạn chịu đựng đối với nhiệt độ tương ứng là: $+20^{\circ}\text{C}$ đến 44°C . Cá rô phi có giới hạn chịu đựng đối với nhiệt độ tương ứng là: $+5,6^{\circ}\text{C}$ đến $+42^{\circ}\text{C}$. Dựa vào các số liệu trên, hãy cho biết nhận định nào sau đây về sự phân bố của hai loài cá trên là đúng?

- A. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn vì có giới hạn dưới thấp hơn
B. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn cá rô phi vì có giới hạn chịu nhiệt rộng hơn
C. Cá rô phi có vùng phân bố rộng hơn vì có giới hạn dưới cao hơn
D. Cá rô phi có vùng phân bố rộng hơn vì có giới hạn chịu nhiệt hẹp hơn

Câu 15: Ăn thịt đồng loại xảy ra do

- A. quá thiếu thức ăn B. con non không được bố mẹ chăm sóc
C. mật độ của quần thể tăng D. tập tính của loài

Câu 16: Nhóm sinh vật nào không có mặt trong quần xã thì dòng năng lượng và chu trình trao đổi các chất trong tự nhiên vẫn diễn ra bình thường

- A. động vật ăn thực vật, động vật ăn động vật B. sinh vật sản xuất, sinh vật ăn động vật
C. động vật ăn động vật, sinh vật sản xuất D. sinh vật phân giải, sinh vật sản xuất

Câu 17: Cá rô phi nuôi ở Việt Nam có các giá trị giới hạn dưới và giới hạn trên về nhiệt độ lần lượt là $5,6^{\circ}\text{C}$ và 42°C . Khoảng giá trị nhiệt độ từ $5,6^{\circ}\text{C}$ đến 42°C được gọi là

- A. khoảng chống chịu B. giới hạn sinh thái C. khoảng gây chết D. khoảng thuận lợi

Câu 18: Tảo biển khi nở hoa gây ra nạn “thủy triều đỏ” ảnh hưởng tới các sinh vật khác sống xung quanh. Hiện tượng này gọi là quan hệ:

- A. cạnh tranh B. hợp tác C. ức chế - cảm nhiễm D. hội sinh

Câu 19: Dòng năng lượng trong các hệ sinh thái được truyền theo con đường phổ biến là

- A. năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật dị dưỡng → năng lượng trở lại môi trường
B. năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật ăn động vật → năng lượng trở lại môi trường
C. năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật ăn thực vật → năng lượng trở lại môi trường
D. năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật sản xuất → năng lượng trở lại môi trường

Câu 20: Tập hợp các dấu hiệu để phân biệt các quần xã được gọi là:

- A. cấu trúc của quần xã B. đặc trưng của quần xã
C. thành phần của quần xã D. đặc điểm của quần xã

Câu 21: Sử dụng chuỗi thức ăn sau để xác định hiệu suất sinh thái của sinh vật tiêu thụ bậc 3 so với sinh vật tiêu thụ bậc 2 là: Sinh vật sản xuất ($2,1 \cdot 10^6$ calo) → sinh vật tiêu thụ bậc 1 ($1,2 \cdot 10^4$ calo) → sinh vật tiêu thụ bậc 2 ($1,1 \cdot 10^2$ calo) → sinh vật tiêu thụ bậc 3 ($0,5 \cdot 10^2$ calo)

- A. 0,0052% B. 45,5% C. 0,92% D. 0,57%

Câu 22: Những dạng nitơ được đa số thực vật hấp thụ nhiều và dễ nhất là

- A. muối amôn và muối nitrit B. muối amôn và nitrat
C. nitơ hữu cơ và nitơ vô cơ D. nitrat và muối nitrit

Câu 23: Trong chu trình cacbon, điều nào dưới đây là không đúng:

- A. thông qua quang hợp, thực vật lấy CO_2 để tạo ra chất hữu cơ
B. phần lớn CO_2 được lắng đọng, không hoàn trả vào chu trình
C. động vật ăn cỏ sử dụng thực vật làm thức ăn chuyển các hợp chất chứa cacbon cho động vật ăn thịt
D. cacbon đi vào chu trình dưới dạng cacbonđiôxit

Câu 24: Yếu tố có vai trò quan trọng nhất trong việc điều hòa mật độ quần thể là:

- A. di cư và nhập cư B. không chế sinh học C. dịch bệnh D. sinh và tử

Câu 25: Ở biển có loài cá ép thường bám chặt vào thân cá lớn để “đi nhờ”, thuận lợi cho phát tán và kiếm ăn của loài. Đây là biểu hiện của:

- A. hội sinh B. kí sinh C. cộng sinh D. hợp tác

Câu 26: Loài cổ nhất và hiện đại nhất trong chi *Homo* là:

- A. *Homo habilis* và *Homo erectus* B. *Homo neandertal* và *Homo sapiens*
C. *Homo habilis* và *Homo sapiens* D. *Homo erectus* và *Homo sapiens*

Câu 27: Dạng người biết chế tạo công cụ lao động đầu tiên là:

- A. Crômanhôn B. *Homo habilis* C. Nêandectan D. *Homo erectus*

Câu 28: Nito phân tử được trả lại cho đất, nước và bầu khí quyển nhờ hoạt động của nhóm sinh vật nào:

- A. vi khuẩn cố định nitơ trong đất
- B. vi khuẩn nitrit hóa
- C. vi khuẩn nitrat hóa
- D. vi khuẩn phản nitrat hóa

Câu 29: Ý nào **không** đúng đối với động vật sống thành bầy đàn trong tự nhiên?

- A. Thường xuyên diễn ra sự cạnh tranh
- B. Có lợi trong việc tìm kiếm thức ăn
- C. Phát hiện kẻ thù nhanh hơn.
- D. Tự vệ tốt hơn

Câu 30: Quá trình nào sau đây không trả lại CO₂ vào môi trường:

- A. sử dụng nhiên liệu hóa thạch
- B. hô hấp của động vật, thực vật
- C. sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải
- D. lắng đọng vật chất

Câu 31: Sự phân chia sinh quyển thành các khu sinh học khác nhau căn cứ vào:

- A. đặc điểm địa lí, khí hậu và các sinh vật sống trong mỗi khu
- B. đặc điểm địa lí, khí hậu
- C. đặc điểm khí hậu và mối quan hệ giữa các sinh vật sống trong mỗi khu
- D. đặc điểm địa lí, mối quan hệ giữa các sinh vật sống trong mỗi khu

Câu 32: Nguyên nhân bên trong gây ra diễn thế sinh thái là:

- A. sự cạnh tranh giữa các nhóm loài ưu thế
- B. sự cạnh tranh trong loài chủ chốt
- C. sự cạnh tranh trong loài thuộc nhóm ưu thế
- D. sự cạnh tranh trong loài đặc trưng.

Câu 33: Đặc điểm thích hợp làm giảm mất nhiệt của cơ thể voi sống ở vùng ôn đới so với voi sống ở vùng nhiệt đới là

- A. cơ thể có lớp mỡ dày bao bọc
- B. có đôi tai dài và lớn
- C. kích thước cơ thể nhỏ
- D. ra mồ hôi

Câu 34: Chọn câu **sai** trong các câu sau:

- A. Giới hạn sinh thái là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định.
- B. Nhân tố sinh thái là tất cả các yếu tố của môi trường tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới sinh vật.
- C. Các nhân tố sinh thái được chia thành 2 nhóm là nhóm nhân tố vô sinh và nhóm nhân tố hữu sinh.
- D. Sinh vật không phải là yếu tố sinh thái

Câu 35: Theo chiều ngang khu sinh học biển được phân thành:

- A. vùng nước mặt và vùng nước giữa
- B. vùng trên triều và vùng triều
- C. vùng ven bờ và vùng khơi
- D. vùng thềm lục địa và vùng khơi

Câu 36: Sự hình thành ao cá tự nhiên từ một hồ bom được gọi là:

- A. diễn thế thứ sinh
- B. diễn thế nguyên sinh
- C. diễn thế nhân tạo
- D. diễn thế phân hủy

Câu 37: Trình tự các kỉ sớm đến muộn trong đại cổ sinh là

- A. cambri => ocdôvic => silua => đêvôn => cacbon => pecmi
- B. cambri => silua => cacbon => đêvôn => pecmi => ocdôvic
- C. cambri => silua => đêvôn => pecmi => cacbon => ocdôvic
- D. cambri => silua => pecmi => cacbon => đêvôn => ocdôvic

Câu 38: Dựa vào những biến đổi về địa chất, khí hậu, sinh vật. Người ta chia lịch sử trái đất thành các đại theo thời gian từ trước đến nay là

- A. đại thái cổ, đại cổ sinh, đại trung sinh, đại nguyên sinh, đại tân sinh.
- B. đại thái cổ, đại nguyên sinh, đại cổ sinh, đại trung sinh, đại tân sinh.
- C. đại cổ sinh, đại nguyên sinh, đại thái cổ, đại trung sinh, đại tân sinh.
- D. đại thái cổ, đại nguyên sinh, đại trung sinh, đại cổ sinh, đại tân sinh.

Câu 39: Cây có mạch và động vật lên cạn vào kỉ nào?

- A. Silua
- B. Pecmi
- C. Cacbon
- D. Đêvôn

Câu 40: Bảo vệ đa dạng sinh học là

- A. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen và về loài
- B. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen, về loài và các hệ sinh thái
- C. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen và nơi sống của các loài
- D. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen, các mối quan hệ giữa các loài trong hệ sinh thái

SỐ SÈ: 684

Hà t^{ên} thí sinh:.....SBD:.....

Câu 1: Sự phân chia sinh quyển thành các khu sinh học khác nhau căn cứ vào:

- A. đặc điểm địa lí, khí hậu
- B. đặc điểm khí hậu và mối quan hệ giữa các sinh vật sống trong mỗi khu
- C. đặc điểm địa lí, mối quan hệ giữa các sinh vật sống trong mỗi khu
- D. **đặc điểm địa lí, khí hậu và các sinh vật sống trong mỗi khu**

Câu 2: Tác động của vi khuẩn nitrát hóa là:

- A. **biến đổi nitrit (NO_2^-) thành nitrát (NO_3^-)**
- B. cố định nitơ trong đất thành dạng đạm nitrát (NO_3^-)
- C. biến đổi nitơ trong khí quyển thành dạng đạm nitrát (NO_3^-)
- D. cố định nitơ trong nước thành dạng đạm nitrát (NO_3^-)

Câu 3: Theo chiều ngang khu sinh học biển được phân thành:

- A. vùng nước mặt và vùng nước giữa
- B. **vùng ven bờ và vùng khơi**
- C. vùng trên triều và vùng triều
- D. vùng thềm lục địa và vùng khơi

Câu 4: Yếu tố có vai trò quan trọng nhất trong việc điều hòa mật độ quần thể là:

- A. dịch bệnh
- B. **sinh và tử**
- C. khống chế sinh học
- D. di cư và nhập cư

Câu 5: Cá chép có giới hạn chịu đựng đối với nhiệt độ tương ứng là: $+20^\circ\text{C}$ đến 44°C . Cá rô phi có giới hạn chịu đựng đối với nhiệt độ tương ứng là: $+5,6^\circ\text{C}$ đến $+42^\circ\text{C}$. Dựa vào các số liệu trên, hãy cho biết nhận định nào sau đây về sự phân bố của hai loài cá trên là đúng?

- A. **Cá chép có vùng phân bố rộng hơn cá rô phi vì có giới hạn chịu nhiệt rộng hơn**
- B. Cá rô phi có vùng phân bố rộng hơn vì có giới hạn dưới cao hơn
- C. Cá rô phi có vùng phân bố rộng hơn vì có giới hạn chịu nhiệt hẹp hơn
- D. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn vì có giới hạn dưới thấp hơn

Câu 6: Năng lượng được chuyển cho bậc dinh dưỡng sau từ bậc dinh dưỡng trước nó khoảng bao nhiêu %?

- A. 50%
- B. 70%
- C. 90%
- D. **10%**

Câu 7: Quá trình nào sau đây không trả lại CO_2 vào môi trường:

- A. **lắng đọng vật chất**
- B. sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải
- C. sử dụng nhiên liệu hóa thạch
- D. hô hấp của động vật, thực vật

Câu 8: Nguyên nhân bên trong gây ra diễn thế sinh thái là:

- A. sự cạnh tranh trong loài chủ chốt
- B. sự cạnh tranh trong loài thuộc nhóm ưu thế
- C. **sự cạnh tranh giữa các nhóm loài ưu thế**
- D. sự cạnh tranh trong loài đặc trưng.

Câu 9: Cá rô phi nuôi ở Việt Nam có các giá trị giới hạn dưới và giới hạn trên về nhiệt độ lần lượt là $5,6^\circ\text{C}$ và 42°C .

Khoảng giá trị nhiệt độ từ $5,6^\circ\text{C}$ đến 42°C được gọi là

- A. khoảng thuận lợi
- B. **giới hạn sinh thái**
- C. khoảng chống chịu
- D. khoảng gây chết

Câu 10: Dòng năng lượng trong các hệ sinh thái được truyền theo con đường phổ biến là

- A. năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật ăn thực vật → năng lượng trở lại môi trường
- B. năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật ăn động vật → năng lượng trở lại môi trường
- C. **năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật dị dưỡng → năng lượng trở lại môi trường**
- D. năng lượng ánh sáng mặt trời → sinh vật tự dưỡng → sinh vật sản xuất → năng lượng trở lại môi trường

Câu 11: Sử dụng chuỗi thức ăn sau để xác định hiệu suất sinh thái của sinh vật tiêu thụ bậc 3 so với sinh vật tiêu thụ bậc 2 là: Sinh vật sản xuất ($2,1 \cdot 10^6$ calo) → sinh vật tiêu thụ bậc 1 ($1,2 \cdot 10^4$ calo) → sinh vật tiêu thụ bậc 2 ($1,1 \cdot 10^2$ calo) → sinh vật tiêu thụ bậc 3 ($0,5 \cdot 10^2$ calo)

- A. **45,5%**
- B. 0,92%
- C. 0,57%
- D. 0,0052%

Câu 12: Khoảng thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể tính từ lúc cá thể được sinh ra cho đến khi nó chết do già được gọi là:

- A. **tuổi sinh lí**
- B. tuổi trung bình
- C. tuổi quần thể
- D. tuổi sinh thái

Câu 13: Đặc điểm thích hợp làm giảm mất nhiệt của cơ thể voi sống ở vùng ôn đới so với voi sống ở vùng nhiệt đới là

- A. ra mồ hôi
- B. **cơ thể có lớp mỡ dày bao bọc**
- C. có đôi tai dài và lớn
- D. kích thước cơ thể nhỏ

Câu 14: Lưới thức ăn và bậc dinh dưỡng được xây dựng nhằm:

- A. mô tả quan hệ dinh dưỡng và nơi ở giữa các loài trong quần xã
- B. mô tả quan hệ dinh dưỡng giữa các loài trong quần xã
- C. mô tả quan hệ dinh dưỡng giữa các loài trong quần thể
- D. mô tả quan hệ dinh dưỡng giữa các sinh vật cùng loài trong quần xã

Câu 15: Chọn câu sai trong các câu sau:

- A. Sinh vật không phải là yếu tố sinh thái
- B. Nhân tố sinh thái là tất cả các yếu tố của môi trường tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới sinh vật.
- C. Các nhân tố sinh thái được chia thành 2 nhóm là nhóm nhân tố vô sinh và nhóm nhân tố hữu sinh.
- D. Giới hạn sinh thái là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định.

Câu 16: Hiện tượng cá sấu há to miệng cho một loài chim “xía răng” hộ là biểu hiện quan hệ:

- A. hội sinh
- B. hợp tác
- C. kí sinh
- D. cộng sinh

Câu 17: Bảo vệ đa dạng sinh học là

- A. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen, về loài và các hệ sinh thái
- B. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen và về loài
- C. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen, các mối quan hệ giữa các loài trong hệ sinh thái
- D. bảo vệ sự phong phú về nguồn gen và nơi sống của các loài

Câu 18: Nơtrơ phân tử được trả lại cho đất, nước và bầu khí quyển nhờ hoạt động của nhóm sinh vật nào:

- A. vi khuẩn nitrit hóa
- B. vi khuẩn cố định nơtrơ trong đất
- C. vi khuẩn nitrat hóa
- D. vi khuẩn phản nitrat hóa

Câu 19: Ăn thịt đồng loại xảy ra do

- A. quá thiếu thức ăn
- B. con non không được bố mẹ chăm sóc
- C. mật độ của quần thể tăng
- D. tập tính của loài

Câu 20: Dạng người biết chế tạo công cụ lao động đầu tiên là:

- A. Crômanhôn
- B. *Homo erectus*
- C. *Homo habilis*
- D. Nêandectan

Câu 21: Đặc điểm nào dưới đây không có ở cây ưa sáng?

- A. Lá xếp nghiêng
- B. Mọc ở nơi quang đãng hoặc ở tầng trên của tán rừng
- C. Có phiến lá mỏng, ít hoặc không có mô giậu
- D. Chịu được ánh sáng mạnh

Câu 22: Phân bố theo nhóm các cá thể của quần thể trong không gian có đặc điểm là:

- A. các cá thể của quần thể tập trung theo từng nhóm ở nơi có điều kiện sống tốt nhất
- B. thường gặp khi điều kiện sống của môi trường phân bố đồng đều trong môi trường, nhưng ít gặp trong thực tế
- C. xảy ra khi có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể, thường xuất hiện sau giai đoạn sinh sản
- D. thường không được biểu hiện ở những sinh vật có lối sống bầy, đàn; có hậu quả làm giảm khả năng đấu tranh sinh tồn của các cá thể trong quần thể

Câu 23: Ý nào không đúng đối với động vật sống thành bầy đàn trong tự nhiên?

- A. Phát hiện kẻ thù nhanh hơn.
- B. Thường xuyên diễn ra sự cạnh tranh
- C. Tự vệ tốt hơn
- D. Có lợi trong việc tìm kiếm thức ăn

Câu 24: Nhóm sinh vật nào không có mặt trong quần xã thì dòng năng lượng và chu trình trao đổi các chất trong tự nhiên vẫn diễn ra bình thường

- A. sinh vật sản xuất, sinh vật ăn động vật
- B. sinh vật phân giải, sinh vật sản xuất
- C. động vật ăn thực vật, động vật ăn động vật
- D. động vật ăn động vật, sinh vật sản xuất

Câu 25: Những dạng nơtrơ được đa số thực vật hấp thụ nhiều và dễ nhất là

- A. nơtrơ hữu cơ và nơtrơ vô cơ
- B. muối amôn và nitrat
- C. nitrat và muối nitrit
- D. muối amôn và muối nitrit

Câu 26: Ở động vật hằng nhiệt (đồng nhiệt) sống ở vùng ôn đới lạnh có:

- A. các phần thò ra (tai, đuôi) nhỏ lại, còn kích thước cơ thể lại lớn hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới
- B. các phần thò ra (tai, đuôi) to ra, còn kích thước cơ thể lớn hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới
- C. các phần thò ra (tai, đuôi) to ra, còn kích thước cơ thể nhỏ hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới
- D. các phần thò ra (tai, đuôi) nhỏ lại, còn kích thước cơ thể nhỏ hơn so với những loài tương tự sống ở vùng nhiệt đới

Câu 27: Tập hợp các dấu hiệu để phân biệt các quần xã được gọi là:

- A. đặc trưng của quần xã
- B. đặc điểm của quần xã
- C. thành phần của quần xã
- D. cấu trúc của quần xã

Câu 28: Biện pháp nào sau đây không được sử dụng để bảo vệ nguồn nước trên Trái đất:

- A. sử dụng tiết kiệm nguồn nước
- B. cải tạo các vùng hoang mạc khô hạn
- C. bảo vệ rừng và trồng cây gây rừng
- D. bảo vệ nguồn nước sạch, chống ô nhiễm

Câu 29: Quá trình diễn thế thứ sinh tại rừng lim Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn như thế nào?

A. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Trảng cỏ

B. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Trảng cỏ

C. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Trảng cỏ

D. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Trảng cỏ

Câu 30: Để diệt sâu đục thân lúa, người ta thả ong mắt đỏ vào ruộng lúa. Đó là phương pháp đấu tranh sinh học dựa vào

A. cạnh tranh cùng loài

B. cân bằng sinh học

C. cân bằng quần thể

D. khống chế sinh học

Câu 31: Sự hình thành ao cá tự nhiên từ một hồ bom được gọi là:

A. diễn thế nguyên sinh

B. diễn thế nhân tạo

C. diễn thế thứ sinh

D. diễn thế phân hủy

Câu 32: Trong chu trình cacbon, điều nào dưới đây là không đúng:

A. động vật ăn cỏ sử dụng thực vật làm thức ăn chuyển các hợp chất chứa cacbon cho động vật ăn thịt

B. cacbon đi vào chu trình dưới dạng cacbonđiôxit

C. thông qua quang hợp, thực vật lấy CO₂ để tạo ra chất hữu cơ

D. phần lớn CO₂ được lắng đọng, không hoàn trả vào chu trình

Câu 33: Ở biển có loài cá ép thường bám chặt vào thân cá lớn để “đi nhờ”, thuận lợi cho phát tán và kiếm ăn của loài. Đây là biểu hiện của:

A. cộng sinh

B. hội sinh

C. kí sinh

D. hợp tác

Câu 34: Trình tự các kỉ sớm đến muộn trong đại cổ sinh là

A. cambri => silua => đêvôn => pecmi => cacbon => ocdôvic

B. cambri => ocdôvic => silua => đêvôn => cacbon => pecmi

C. cambri => silua => cacbon => đêvôn => pecmi => ocdôvic

D. cambri => silua => pecmi => cacbon => đêvôn => ocdôvic

Câu 35: Cây có mạch và động vật lên cạn vào kỉ nào?

A. Pecmi

B. Silua

C. Đêvôn

D. Cacbon

Câu 36: Loài cổ nhất và hiện đại nhất trong chi *Homo* là:

A. *Homo neandectan* và *Homo sapiens*

B. *Homo habilis* và *Homo erectus*

C. *Homo habilis* và *Homo sapiens*

D. *Homo erectus* và *Homo sapiens*

Câu 37: Đối với mỗi nhân tố sinh thái thì khoảng thuận lợi (khoảng cực thuận) là khoảng giá trị của nhân tố sinh thái mà ở đó sinh vật

A. có sức sống giảm dần

B. có sức sống trung bình

C. phát triển thuận lợi nhất

D. chết hàng loạt

Câu 38: Dựa vào những biến đổi về địa chất, khí hậu, sinh vật. Người ta chia lịch sử trái đất thành các đại theo thời gian từ trước đến nay là

A. đại thái cổ, đại nguyên sinh, đại cổ sinh, đại trung sinh, đại tân sinh.

B. đại thái cổ, đại nguyên sinh, đại trung sinh, đại cổ sinh, đại tân sinh.

C. đại thái cổ, đại cổ sinh, đại trung sinh, đại nguyên sinh, đại tân sinh.

D. đại cổ sinh, đại nguyên sinh, đại thái cổ, đại trung sinh, đại tân sinh.

Câu 39: Tảo biển khi nở hoa gây ra nạn “thủy triều đỏ” ảnh hưởng tới các sinh vật khác sống xung quanh. Hiện tượng này gọi là quan hệ:

A. ức chế - cảm nhiễm

B. hội sinh

C. hợp tác

D. cạnh tranh

Câu 40: Trong chu trình sinh địa hóa có hiện tượng nào sau đây?

A. Trao đổi các chất liên tục giữa sinh vật và sinh vật

B. Trao đổi các chất tạm thời giữa môi trường và sinh vật

C. Trao đổi các chất theo từng thời kì giữa môi trường và sinh vật

D. Trao đổi các chất liên tục giữa môi trường và sinh vật